

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CH S
TỈNH G L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST
Ngày: 04/8/2020
V/v: “Tranh chấp về kiện đòi nợ
phân bón”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH S, TỈNH G L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nay H'Chim.
2. Ông Siu Tơ Lul.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về kiện đòi nợ phân bón*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1956 và bà Trần Thị A, sinh năm 1967 (đều có mặt).
Trú tại: Thôn T G, xã Ia K huyện Ch, S, tỉnh G L
- Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1977, (vắng mặt).
Trú tại: Thôn T G, xã Ia K, huyện Ch S, tỉnh G L.
-Người làm chứng: Bà Ngô Thị H (vợ ông H), (vắng mặt).
Trú tại: Thôn T G, xã Ia K, huyện Ch S, tỉnh G L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2020; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 17/5/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thành Tr và bà Trần Thị A trình bày như sau:

Ngày 04/4/2017 ông Trần Văn H có mượn của ông bà 1500kg (một ngàn năm trăm ki lô gam) phân Đạm Urê Phú Mỹ. Ông H hẹn đến ngày 20/4/2017 thì trả cho ông bà. Nhưng từ ngày 20/4/2017 cho đến nay ông bà nhiều lần đến nhà

ông H đòi nợ, nhưng ông H trốn tránh không trả. Nên ông bà khởi kiện yêu cầu ông H trả 1500kg (một nghìn năm trăm ki lô gam) phân Urê Phú Mỹ x 9000 đ/kg = 13.500.000 đồng và 4.455.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 17.955.000 đồng.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông H phải trả cho ông bà 1500kg (một nghìn năm trăm ki lô gam) phân Urê Phú Mỹ quy ra thành tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong toàn bộ khoản tiền mà ông H có nghĩa vụ trả cho ông bà thì hàng tháng ông H phải chịu khoản tiền lãi của khoản tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đồng thời ông bà rút toàn bộ yêu cầu đối với số tiền lãi là 4.455.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án làm việc nhưng ông H không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, cũng như không cung cấp cho Tòa án chứng cứ gì mặc dù Tòa án đã có yêu cầu cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát huyện Ch S:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự . Việc chấp hành pháp luật của các đương sự : Đối với Nguyên đơn là ông Tr và bà A chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật ; Đối với bị đơn anh H không thực hiện đúng theo Giấy triệu tập của Tòa án là không tuân thủ quy định của pháp luật , gây khó khăn cho công tác giải quyết án của Tòa án.

Về phần nội dung : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 275, 278, 279, 286, 356, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Buộc ông Trần Văn H phải trả 1500kg (một nghìn năm trăm ki lô gam) phân Urê Phú Mỹ quy ra thành tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm cho ông Nguyễn Thành Tr và bà Trần Thị A và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong toàn bộ khoản tiền mà ông H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành Tr và bà Trần Thị A thì hàng tháng ông H phải chịu khoản tiền lãi của khoản tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Về án phí: Buộc ông Trần Văn H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho ông Nguyễn Thành Tr và bà Trần Thị A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí. Đình chỉ phần yêu cầu tiền lãi mà nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 08/01/2020, ông Nguyễn Thành Tr và bà Trần Thị A có đơn khởi kiện và yêu cầu ông Trần Văn H trả nợ phân bón. Kèm theo Đơn khởi kiện ông Tr và bà A đã nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp.

Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện của ông Tr và bà A đầy đủ, đúng hình thức, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông Trần Văn H có nơi cư trú tại thôn T G, xã Ia K, huyện Ch S, tỉnh G L. Do đó Tòa án nhân dân huyện Ch S tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn. Qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cho biết ông Trần Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T G, xã Ia K, huyện Ch S, tỉnh G L (Bút lục số 53). Như vậy, nguyên đơn đã ghi đầy đủ cụ thể và đúng địa chỉ của người bị kiện theo đúng quy định tại điểm d khoản 4 Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông H. Đồng thời, Tòa án giao giấy triệu tập, thông báo cho bà Ngô Thị H, là vợ ông H, cùng cư trú với ông H, bà H cam kết giao lại tận tay thông báo và giấy triệu tập cho ông H ngay sau khi bà nhận. Tại biên bản tự khai ngày 15/7/2020, bà Hồng cho rằng bà đã giao đầy đủ thông báo và giấy triệu tập cho ông H, nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, ông H thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú (Bút lục số 28, 37, 44, 53); không thông báo địa chỉ mới cho ông Tr và bà A, cho Tòa án, nhằm mục đích giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với ông Tr và bà A.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ để ông H đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông H tiếp tục vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; ông H không có yêu cầu phản tố, do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên miễn xét.

[3] Xét nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét yêu cầu đòi 1.500kg (một ngàn năm trăm ki lô gam) phân Urê Phú Mỹ quy ra thành tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong toàn bộ khoản tiền mà ông H có nghĩa vụ trả cho ông bà thì hàng tháng ông H phải chịu khoản tiền lãi của khoản tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngày 04/4/2017, ông H có ghi giấy nhận nợ ông Tr và bà A 1.500 kg phân Urê Phú Mỹ, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu ông Trần Văn H cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh đối với khoản nợ trên, nhưng ông Trần Văn H không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Nên yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả 1.500kg phân Urê Phú Mỹ, nhưng được quy ra tiền là 10.800.000đ = (1.500 kg x 7.200đ/kg) (Theo biên bản xác minh tại Đại lý phân bón bảo vệ thực vật M L và Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Ch S thì giá phân Urê Phú Mỹ tại Ch S, G L vào ngày 16/7/2020 và ngày 04/8/2020 là 7.200đ một ki lô gam) và yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả trong quá trình thi hành án. Yêu cầu này của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, bên vay không thể trả vật, nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Số tiền quy đổi khi khởi kiện ban đầu chênh lệch cao hơn so với nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện là 2.700.000đ, nguyên đơn không có ý kiến, yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Do đó, căn cứ vào áp dụng Điều 275, 278, 279, 286, 356, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là ông T và bà A 1.500kg phân Urê Phú Mỹ, nhưng được quy ra tiền là 10.800.000đ.

Đối với tiền lãi, tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2020 ông Tr và bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả tiền lãi của số phân U Rê chậm trả là 4.455.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 17/5/2020 và tại phiên tòa ông Tr và bà A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H phải trả 4.455.000 đồng tiền lãi. Xét yêu cầu của ông Tr và bà A là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không xem xét giải quyết đối với phần tiền lãi.

[4] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Tr và bà Trần Thị A được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là ông Trần Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đề sung vào công quỹ Nhà nước.

Ông Nguyễn Thành Tr và bà Trần Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 207, Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 275, 278, 279, 286, 356, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành Tr và bà Trần Thị A.

2. Buộc bị đơn là ông Trần Văn H phải trả cho nguyên đơn là ông Nguyễn Thành Tr và bà Trần Thị A 1.500kg phân Urê Phú Mỹ, nhưng được quy ra tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 10.800.000đ (mười triệu tám trăm nghìn đồng) = (1.500 kg phân Urê x 7.200đ/kg).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi ông Trần Văn H trả số tiền lãi là 4.455.000đ của ông Nguyễn Thành Tr và bà Trần Thị A. Nếu sau này có tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Văn H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 540.000đ = (10.800.000đ x 5%) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Ông Nguyễn Thành Tr và bà Trần Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thành Tr và bà Trần Thị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 449.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002739 ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh G L để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh G L;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch S;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đình Hiếu